TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 77/2017/HSST
Ngày: 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liên và ông Nguyễn Đức Vũ.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký toà án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung - KSV.

Hôm nay, ngày 30/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2017/HSST ngày 03/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2017/HSST-QĐXX ngày 18/9/2017 đối với bị cáo: **Chu Văn H**– Sinh năm 1998. Nơi đăng ký HKTT và trú tại: thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông: Chu Văn S, sinh năm 1969 và bà Văn Thị O, sinh năm 1971.

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Khoái Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:***

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Văn Thị O, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
(Có mặt tại phiên tòa)

****/ Những người làm chứng trong vụ án:***

1. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1999;

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn a, xã ĐH, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh An Văn A, sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn a, xã ĐH, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Đỗ Thị Lan B, sinh năm 1999;

Trú tại: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1930;

Trú tại: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

6. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1965;

Trú tại: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

7. Chị Hoàng Thị E, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn AC, xã HT, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

8. Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn U, Thị trấn b, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

9. Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn U, Thị trấn b, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

10. Anh Lê Văn G, sinh năm 1994;

Trú tại: Thôn Y, xã PH, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2015, H và chị Đỗ Thị Lan B ở thôn X, xã D có quan hệ tình cảm nên ngày 03/3/2017 sinh được bé trai là cháu Đỗ Gia J. Do H và chị B chưa đủ tuổi kết hôn nên hai bên gia đình không cho H quan hệ với chị B. Khoảng 13 giờ ngày 01/8/2017 H và anh Nguyễn Đức L (tức R) đến nhà chị B chơi. H vào gian buồng nói chuyện với B. Do chị B có ý định về nhà H ở nhưng không có tiền đi xe taxi nên B đi đến vị trí treo chiếc áo khoác màu đen nơi bà Nguyễn Thị P sinh năm 1969 (là mẹ đẻ B) cất tiền ở túi bên trong áo khoác, B rút ra 01 gói nilon màu đen bên trong có các tờ tiền mệnh giá 200.000đồng, 500.000đồng được buộc bằng sợi dây chun màu vàng, thấy tất cả đều là tiền chẵn nên B không dám lấy và lại để tiền vào vị trí cũ. H nhìn thấy vậy nên hỏi xin B 50.000đồng để trả tiền chơi game nhưng B không đồng ý. Cùng lúc đó, bà Đỗ Thị L sinh năm 1965 ở cùng thôn (là bác họ của chị B) đến nên đã đuổi H và anh L về. H và anh L đến quán Internet của chị Hoàng Thị E sinh năm 1994 ở thôn AC, xã HT chơi game. Do không có tiền để trả tiền chơi game và chi tiêu cá nhân nên H nảy sinh ý định trộm cắp tiền của gia đình bà P. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H bảo anh L là H đi có việc rồi H quay lại nhà chị B, đi vào trong gian buồng. Thấy B đang ở cùng cháu J nên H bảo B đi tắm cho cháu J. Khi B vừa ra khỏi phòng, H quan sát xung quanh không có ai liền đi đến vị trí treo chiếc áo khoác

màu đen, H kéo khóa chiếc áo rồi lấy ở túi phía trước bên trái bên trong áo 01 chiếc túi nilon màu đen, H không đếm số tiền có trong túi mà cất luôn vào túi quần, do bà của B khóa cổng nên H trèo tường đi ra. H quay lại quán Internet của chị E lấy 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng từ bọc tiền đã trộm cắp để trả tiền chơi game, tiền nạp thẻ hết 170.000 đồng. Sau đó H và L thuê taxi đến xã ĐH, huyện K tiếp tục chơi game. Trên đường đi, H bỏ tiền đã trộm cắp được ra đếm được số tiền 3.800.000 đồng, H đưa cho L 1.100.000đồng nhờ L mua hộ 01 điện thoại di động và thẻ nạp để chơi game. Khi đi đến cửa hàng điện thoại di động của chị Nguyễn Thị F, SN 1983 ở thôn U, Thị trấn b, L mua 01 điện thoại di động Nokia 1280 hết 220.000đồng. H và L tiếp tục đi taxi đến quán Internet của anh An Văn A sinh năm 1989 ở thôn a, xã ĐH để chơi game, H trả tiền taxi hết 100.000 đồng, L mua 07 thẻ nạp hết tổng số tiền 650.000 đồng để H và L cùng chơi game, số tiền còn thừa L đưa lại cho H. H tiếp tục đến cửa hàng tạp hóa của gia đình chị Nguyễn Thị T sinh năm 1960 ở thôn a, xã ĐH mua thẻ nạp hết số tiền 1.000.000đồng rồi nạp thẻ để chơi game. Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 02/8/2017, H trả tiền game hết 200.000đồng rồi cùng L đi về nhà anh Lê Văn G sinh năm 1994 ở thôn Y, xã PH. Tại đây, H đưa cho anh G 100.000đồng để trả tiền ăn. Sáng ngày 03/8/2017 H tiếp tục đến quán Internet của gia đình anh Lê Tuấn V sinh năm 1988 ở thôn U, Thị trấn b để tiếp tục chơi game. Khi này, trong người H còn khoảng 100.000 đồng, H bán lại 01 điện thoại Nokia 1280 cho chị F được 180.000 đồng. H trả tiền game cho anh V hết 280.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết toàn bộ số tiền. Ngày 03/8/2017, bà Nguyễn Thị P có đơn trình báo về việc gia đình bà bị mất số tiền 14.000.000 đồng.

Ngay sau khi xảy ra sự việc, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã khám nghiệm hiện trường và tiến hành điều tra, xác định: khoảng tháng 7/2017 bà P có để số tiền tiết kiệm được là 14.000.000 đồng trong 01 túi nilon màu đen để ở trong túi áo khoác treo ở mắc quần áo nhưng từ khi để tiền đến khi mất trộm bà không kiểm đếm lại. Chị B khai nhận bà P có nói cho chị B biết về việc bà để tiền ở trong túi áo khoác, tuy nhiên chị B cũng không biết bà P có bao nhiêu tiền và có lấy tiền ra chi tiêu hay không. Ngày 01/8/2017, chị B mở số tiền trên ra xem nhưng không đếm và không biết trong túi nilon màu đen có bao nhiêu tiền. Do đó không đủ cơ sở để xác định bà P có 14.000.000đồng trong túi. Về trách nhiệm dân sự bà P yêu cầu H phải bồi thường cho bà số tiền 14.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Chu Văn H đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình nhà bà P.

Việc anh Nguyễn Đức L cầm tiền của H đi mua điện thoại và thẻ điện thoại để cùng chơi game L không biết số tiền H đưa là tiền trộm cắp mà có; Việc chị E, chị F, chị T, anh A, anh V, anh G nhận tiền H trả nhưng không biết số tiền H trả

là tiền do trộm cắp mà có và đã dùng số tiền đó để giao dịch với khách hàng nên không có căn cứ để xử lý đối với những người này.

Quá trình điều tra còn làm rõ: H và chị B có quan hệ tình dục vào khoảng tháng 11/2015 và đều tự nguyện, khi đó H chưa đủ 18 tuổi còn chị B thì đã trên 16 tuổi. Do đó không có cơ sở để xử lý đối với H về hành vi Giao cấu với trẻ em.

Tại bản cáo trạng số 84/QĐ-VKS-HS, ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Chu Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 - Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Chu Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 42; khoản 1,2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 4 Điều 227 của BLTTHS năm 2003; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015); Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án (30/11/2017); Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho UBND xã D, huyện K giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Bị cáo H nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Văn Thị O trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo H. Quá trình H bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Khoái Châu thì đã rất hối hận về hành vi của mình nên đã nhiều lần nhắn nhủ, nhờ bà thay mặt bị cáo đứng ra bồi thường, khắc phục hậu quả về trách nhiệm dân sự cho người bị hại. Vì vậy, bà O đã tự nguyện nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Số tiền trên là tiền của bà O, tuy nhiên bà O không yêu cầu Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Người bị hại bà Nguyễn Thị P và những người làm chứng là anh Nguyễn Đức L, bà Nguyễn Thị T, anh An Văn A, chị Đỗ Thị Lan B, bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị L, chị Hoàng Thị E, anh Lê Tuấn V, chị Nguyễn Thị F, anh Lê Văn G đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên

tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 191, Điều 192 của BLTTHS 2003 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai kH nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận vào ngày 01/8/2017, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tiền của bà P tại nhà của bà P. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL:19-20); Lời khai của những người làm chứng (BL:50-80) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01/8/2017, tại nhà của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 ở thôn X, xã D, huyện K, Chu Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của bà P sau đó đã mang đi tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Chu Văn H theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 84/QĐ-VKS-HS, ngày 03/11/2017 là có căn cứ.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Chu Văn H là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lúc người bị hại không có mặt tại nhà, có sơ hở trong việc quán lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng do có động cơ tư lợi, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước khi mở phiên toà bị cáo H đã tác động để bà H thay mặt bị cáo nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo gây ra. Nên bị cáo H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng. Bản thân bị cáo còn trẻ người non dạ, nhất thời phạm tội, mặt khác thời gian bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Khoái Châu từ ngày 06/9/2017 cho đến nay cũng đã đủ để bị cáo kiểm điểm lại bản thân, rút ra được bài học kinh nghiệm cho mình. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 60 của BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam bởi một tội phạm khác. Đồng thời, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 138 của BLHS năm 1999 để phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Xét yêu cầu của bà P về việc yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho bà số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) thì thấy rằng: việc bà P khai rằng bà để số tiền 14.000.000đ trong 01 túi nilon màu đen, để trong túi áo khoác treo ở mắc quần áo từ tháng 7/2017. Tuy nhiên, không có căn cứ xác thực về việc bà P để số tiền 14.000.000đ như bà P đã trình bày. Mặt khác, từ tháng 7/2017 đến 01/8/2017 là cả một khoảng thời gian, có nhiều người ra vào nhà bà P, bản thân chị B cũng biết bà P để tiền ở vị trí như bà P khai nhưng không biết bà P để bao nhiêu tiền.

Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định bị cáo H đã trộm cắp của bà P 14.000.000đ, mà chỉ có căn cứ kết luận H đã trộm cắp của bà P 4.000.000đ.

Vì vậy, cần buộc bị cáo H phải trả cho bà P số tiền 4.000.000đ mà H đã trộm cắp của bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 589 của BLDS năm 2015 nhưng được đối trừ với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) mà bà Văn Thị O đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu theo biên lai thu số 006091 ngày 28/11/2017 nên bị cáo H đã thi hành xong trách nhiệm dân sự của mình.

Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1, khoản 2 Điều 99 của BLTTHS.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

***Tuyên bố*:** Bị cáo Chu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS năm 1999; khoản 4 Điều 227 của BLTTHS năm 2003; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chu Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2017).

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho UBND xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999 và khoản 1 Điều 589 của BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo Chu Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969, trú tại thôn X, xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) được đối trừ với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) mà bà Văn Thị O đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu theo biên lai thu số 006091 ngày 28/11/2017 nên bị cáo H đã thi hành xong trách nhiệm dân sự của mình.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2017). Báo cho người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *CA huyện Khoái Châu;*
- *Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;*
- *Chi cục thi hành án huyện K/C;*
- *Lưu HSVA.*

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG